

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2018/LĐ-PT**

Ngày: 17/4/2018

V/v: “Tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hà

Các Thẩm Phán:

Ông Nguyễn Bá Nhu

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 27/2017/TLPT-LĐ ngày 25/12/2017 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 47/2017/LĐST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐ-PT ngày 07/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐ-PT ngày 26/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Phường H, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Đình Đ**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.**

Địa chỉ: Phường L, thị xã B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn V**- Chức vụ: tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Quách Hữu T**, sinh năm 1982. (Văn bản ủy quyền ngày 20/02/2017).

Địa chỉ liên lạc: Phường A, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty Cổ phần L.**

Địa chỉ: Phường A, thành phố B, T. Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đào Duy H** – chức vụ: tổng giám đốc.

(Ông Phạm Đình Đ, ông Quách Hữu T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Đình Đ trình bày:

Ông Lê Văn H vào làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (sau đây gọi tắt là công ty) từ ngày 01/10/2015, với mức lương là 5.500.000đ/tháng, công việc chính là công nhân cơ khí, nơi làm việc tại Xưởng đóng thùng Trường vinh Hi - Nô số 02, đường số 01, KCN 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Khi vào làm việc tại công ty ông H chỉ biết người tuyển dụng tên Lưu nhận vào làm việc. Dựa vào thỏa thuận miệng giữa ông H và ông Lưu, ông H làm việc tại phân xưởng với mức lương và vị trí công việc như đã nêu trên.

Trong quá trình lao động ông H thực hiện đúng nội quy, quy chế của công ty nhưng đến ngày 10/3/2016 công ty đã cho ông H nghỉ việc không lý do. Khi ông H đến làm việc thì bảo vệ và quản đốc công ty không cho vào làm việc. Khi ông H không được vào làm việc thì không báo lại cấp trên chỉ bỏ ra về. Ngày 08/4/2016, ông H có yêu cầu hòa giải tại Phòng Lao động thương binh và xã hội thành phố Biên Hòa. Tại buổi hòa giải công ty xác định đồng ý thanh toán tiền cho ông H từ ngày 14/3/2016 đến ngày 08/4/2016 và yêu cầu ông H trở lại làm việc trong vòng 10 ngày kể từ ngày 09/4/2016, nếu ông H không trở lại làm việc thì công ty sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông H.

Đến ngày 09/4/2016, ông H có đến công ty để làm việc thì phía bảo vệ công ty không cho ông H vào nên ông H không làm việc tại công ty từ đó cho đến nay. Ông H xác định công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là trái pháp luật do đó ông H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề cụ thể như sau:

Tuyên bố việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là trái pháp luật. Yêu cầu công ty phải nhận ông H trở lại làm việc theo hợp đồng đã giao kết. Công ty phải trả tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày ông H không được làm việc, cộng dồn với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động và khoản tiền tương ứng với những ngày ông H không được báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 45 ngày. Tam tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm với số tiền là:

- Tiền lương: $5.500.000đ \times 18 = 99.000.000đ$
- 02 tháng tiền lương bồi thường: $5.500.000đ \times 02 = 11.000.000đ$
- 45 ngày lương không được báo trước: $45 \times (5.500.000đ/26 \text{ ngày}) = 9.519.210đ$

- Tiền bảo hiểm xã hội phải đóng: $(21\% \times 5.500.000đ) \times 18 \text{ tháng} = 20.790.000đ$

- Tổng cộng: 140.309.210đ

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, với nội dung ông H không yêu cầu công ty nhận ông trở lại làm việc.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T có đại diện theo ủy quyền là ông Quách Hữu T trình bày:

Công ty xác định ông H là người làm việc trong phân xưởng của công ty từ trước nhưng chính thức nhận lương do công ty trả từ tháng 01/2016. Về vị trí công việc, mức lương như ông H trình bày là đúng. Nguyên do trước đây công ty T có quan hệ hợp tác với công ty L, việc tuyển dụng ban đầu là do công ty L thực hiện. Trong thời gian đầu, việc quản lý nhân sự và trả lương đều do công ty L thực hiện. Sau cuộc họp thống nhất giữa hai công ty khi thay đổi hạch toán thì toàn bộ nhân sự tại phân xưởng đóng thùng Trường vinh Hi – Nô số 02, đường số 01, KCN 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được giao lại cho công ty T thử việc và ký hợp đồng lao động. Ông H là thợ sơn cần có chuyên môn nên thời gian thử việc là 02 tháng. Do đó, công ty chưa ký hợp đồng lao động và chưa cho ông H tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại công ty. Trong thời gian thử việc do công ty T quản lý, ông H thường xuyên nghỉ việc, vô kỷ luật và không tuân thủ giờ giấc. Do công ty đang cần nhân công nên tại buổi hòa giải ngày 08/4/2016, công ty đã có ý kiến nhận ông H trở lại làm việc, ký kết hợp đồng lao động với ông H, trả lương cho ông H trong những ngày không được làm việc từ ngày 14/3/2016 đến ngày 08/4/2016, đồng thời truy đóng bảo hiểm xã hội cho ông H theo quy định của pháp luật nhưng kết quả hòa giải không thành. Đến thời điểm tại phiên tòa hôm nay, phía công ty vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần L (sau đây gọi tắt là công ty L) có đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Quang L trình bày:

Do đặc thù của Công ty L nên ông được công ty bổ nhiệm làm giám đốc điều hành tại xưởng Licogi từ tháng 04/2014. Xưởng được thành lập theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty L và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T. Công ty L ra hướng dẫn và ra quy định về thử việc, tuyển công nhân lao động. Cuối tháng 9/2015 nhân sự của xưởng phỏng vấn và nhận anh Lê Văn H vào làm việc từ ngày 02/10/2015, thỏa thuận miệng với mức lương là 5.500.000đ/tháng. Công ty L không ký bất cứ hợp đồng lao động nào đối với anh Hiền nhưng đã thanh toán lương các tháng 10, 11, 12/2015 cho anh Hiền.

Theo tình hình thực tế thì đúng thời gian anh Hiền thử việc, lại là thời điểm 02 công ty L họp bàn thay đổi hình thức thanh toán và chuyển số nhân sự tại phân xưởng sang Công ty T để ký hợp đồng lao động. Vì vậy, kể từ ngày 01/01/2016 ông H thuộc sự quản lý của Công ty T.

Ngày 16/6/2017, ông Lưu có đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án liên quan đến vụ án của anh Hiền do đã nộp đủ các tài liệu chứng cứ.

Tại Bản án sơ thẩm số 47/2017/LĐST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa quyết định:

Căn cứ vào các điều 32, 35, 40, 68, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 22, 26, 27, 28, 41, 42 Bộ luật Lao Động;

Pháp lệnh 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T về việc “tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2017, ông Lê Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã tự hòa giải thỏa thuận là Công ty T hỗ trợ cho ông H 20.000.000đ nên đề nghị công nhận sự thỏa thuận, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục và tư cách tố tụng:

Tòa án sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ, đơn kháng cáo của ông H làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án sơ thẩm xác định chính xác.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông H: Ông H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (Công ty T) đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là trái pháp luật. Xét thấy, quan hệ lao động giữa ông H với Công ty L được xác lập từ trước đó, sau đó ông H cùng với một số lao động chuyển sang làm việc cho bị đơn Công ty T. Về mức lương và quá trình thực hiện quan hệ lao động hai bên đều thừa nhận. Sau khi chuyển sang làm việc cho Công ty T thì hai bên không giao kết hợp đồng lao động, tuy nhiên hai bên đều thừa nhận có quan hệ lao động. Theo ông H thì ngày 10/3/2016 Công ty T chấm dứt hợp đồng lao động với ông H, về phía Công ty T không thừa nhận mà cho rằng ông H tự ý nghỉ việc. Khi ông H gửi đơn yêu cầu hòa giải thì ngày 08/4/2016 tại Phòng Lao động Thương binh xã hội thành phố Biên Hòa, Công ty T đã đề nghị ông H trở lại làm việc từ ngày 09/4/2016 đến ngày 19/4/2016 (BL 14).

Theo ông H thì ông có trở lại Công ty T làm việc nhưng bảo vệ Công ty TNHH T không cho ông vào; Theo người đại diện theo ủy quyền của Công ty T thì thực tế ông H không trở lại làm việc và bản thân ông H cũng không có chứng cứ chứng minh là Công ty cản trở ông H trở lại làm việc như ông H trình bày.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của ông H và Công ty T thỏa thuận là Công ty T hỗ trợ cho ông H 20.000.000đ, ông H không yêu cầu trở lại làm việc cũng như các khoản khác như yêu cầu khởi kiện nữa. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự, không bị ép buộc, phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận. Do đó, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự.

[4] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: Công ty T phải chịu 600.000đ án phí sơ thẩm, ông H không phải chịu án phí theo luật định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 32, 35, 40, 68, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 22, 26, 27, 28, 41, 42 Bộ luật Lao Động;

Pháp lệnh 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T về việc “tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Lê Văn H với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T hỗ trợ cho ông Lê Văn H số tiền 20.000.000đ.

Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T chịu 600.000đ án phí LĐST, ông H không phải chịu án phí theo luật định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP BH;
- Chi cục THADS TP BH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Hà